

Số: 31/2025/QĐST - DS

Càng Long, ngày 16 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 518/2024/TLST - DS, ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Trụ sở chính: 40 – 42 – 44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: 67 L, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật ông Trần Ngọc M; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Trần Ngọc M ủy quyền cho ông Trần Trung V; chức vụ: Giám đốc Văn phòng đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tại thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền số 68/QĐ – CT.HĐQT, ngày 09/7/2024).

Ông Trần Trung V ủy quyền lại bà Nguyễn Thị H; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 1934/QĐ – NHKL, ngày 09/7/2024).

Ủy quyền bà Lê Thị Thu V1; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực – phòng xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Bị đơn: Ông Hầu Quốc D, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Bà Lê Thị Thu V1 và ông Hầu Quốc D tự nguyện thỏa thuận là ông D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 08/01/2025 là 19.095.222đồng (*Mười chín triệu không trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 11.112.581đồng, lãi tính đến ngày 08/01/2025 là 4.679.051đồng, phí phạt chậm trả còn lại là 3.303.590đồng. Và ông Hầu Quốc D tự nguyện tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 09/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng.

Bà Lê Thị Thu V1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K thống nhất nhận số tiền này.

- **Về thời gian trả tiền:** Bà Lê Thị Thu V1 và ông Hầu Quốc D tự nguyện thỏa thuận thời gian ông D trả tiền cho Ngân hàng TMCP K do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- **Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:** Kể từ ngày 09/01/2025 ông D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng Thẻ tín dụng cho đến khi ông D trả hết nợ gốc cho Ngân hàng K.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Là 477.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Ông Hầu Quốc D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí này.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí. Đối với số tiền 397.500đồng (*Ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP K đã nộp tại biên lai số 0004745, ngày 24 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Càng Long thu được trả lại cho Ngân hàng TMCP K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh